

Số: 07 /BHXH-QLT

Lạng Sơn, ngày 05 tháng 01 năm 2018

V/v hướng dẫn thực hiện đóng BHXH,
BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN

Kính gửi: Các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Nghị định số 115/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Thực hiện Quyết định số 595/QĐ-BHXH về việc ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế có hiệu lực từ ngày 01/7/2017.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn hướng dẫn thực hiện đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ, BNN), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG

1. Cùng tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN:

- Người làm việc theo hợp đồng lao động (HĐLĐ) có thời hạn từ đủ 03 tháng trở lên; kể cả HĐLĐ được ký giữa đơn vị với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động;

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và viên chức. Riêng cán bộ, công chức, viên chức quản lý không thuộc đối tượng đóng BHTN;

- Người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương;

2. Chỉ tham gia BHXH, BHTNLĐ, BNN:

- Người làm việc theo HĐLĐ có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng (trừ hợp đồng thử việc theo quy định của pháp luật về lao động) thực hiện từ 01/01/2018.

- Người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (thực hiện từ ngày 01/01/2018 theo quy định của Chính phủ); Đối với người nước ngoài làm việc theo HĐLĐ từ đủ 3 tháng trở lên thuộc đối tượng phải tham gia BHYT bắt buộc.

3. Chỉ tham gia quỹ hưu trí, tử tuất:

- Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn;

- Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật người lao động Việt Nam đi làm ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Người hưởng chế độ phu nhân hoặc phu quân tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại Khoản 4 Điều 123 Luật BHXH;

- Người lao động đang tham gia và người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc trợ cấp tuất hằng tháng thì được đóng 1 lần số tháng còn thiếu để hưởng chế độ theo quy định;

4. Người lao động được cử đi học, thực tập, công tác trong và ngoài nước mà vẫn hưởng tiền lương tháng ở trong nước thuộc diện tham gia BHXH, BHTN bắt buộc.

5. Người lao động giao kết nhiều HĐLĐ

- Người lao động đồng thời có từ 02 HĐLĐ trở lên với nhiều đơn vị khác nhau thì đóng BHXH, BHTN theo HĐLĐ giao kết đầu tiên, đóng BHYT theo HĐLĐ có mức tiền lương cao nhất.

- Trường hợp người lao động giao kết HĐLĐ với nhiều người sử dụng lao động mà đã đóng BHXH và quỹ BH TNLĐ, BNN tại một nơi thì người sử dụng lao động nơi còn lại phải đóng BH TNLĐ, BNN cho người lao động nếu người lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH bắt buộc.

II. MỨC ĐÓNG

Mức đóng căn cứ tiền lương tháng nhân (X) tỷ lệ đóng theo từng nguồn quỹ tương ứng.

Trách nhiệm	Quỹ				
	BHXH	BH TNLĐ, BNN	BHYT	BHTN	Cộng
Người sử dụng lao động	17%	0,5%	3%	1%	21,5%
Người lao động	8%	0	1,5%	1%	10,5%

Trong đó tỷ lệ 25% quỹ BHXH được phân bổ cho các quỹ thành phần như sau:

- Ốm đau, thai sản: 3%

- Hưu trí, tử tuất: 22%

III. TIỀN LƯƠNG THÁNG LÀM CĂN CỨ ĐÓNG:

1. Tiền lương do Nhà nước quy định

- Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ, BNN bắt buộc là tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm và các khoản phụ cấp chức

vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có). Tiền lương này tính trên mức lương cơ sở.

Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc quy định Điểm này bao gồm cả hệ số chênh lệch bảo lưu theo quy định của pháp luật về tiền lương.

- Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thì tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương cơ sở.

2. Tiền lương do đơn vị quyết định

Từ ngày 01/01/2018 trở đi, tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ, BNN bắt buộc là mức lương, phụ cấp lương theo quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về HĐLĐ, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động (Nghị định số 05/2014/NĐ-CP); Phụ cấp lương theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH là các khoản phụ cấp lương để bù đắp yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động mà mức lương thỏa thuận trong HĐLĐ chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ như phụ cấp chức vụ, chức danh; phụ cấp trách nhiệm; phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thâm niên; phụ cấp khu vực; phụ cấp lưu động; phụ cấp thu hút và các phụ cấp có tính chất tương tự và các khoản bổ sung khác theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH.

Tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ, BNN bắt buộc không bao gồm các khoản chế độ và phúc lợi khác, như tiền thưởng theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật lao động, tiền thưởng sáng kiến; tiền ăn giữa ca; các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ; hỗ trợ khi người lao động có thân nhân bị chết, người lao động có người thân kết hôn, sinh nhật của người lao động, trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các khoản hỗ trợ, trợ cấp khác ghi thành mục riêng trong HĐLĐ theo Khoản 11 Điều 4 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP.

Tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ, BNN đối với người quản lý doanh nghiệp có hưởng tiền lương quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 115/2015/NĐ-CP là tiền lương do doanh nghiệp quyết định, trừ viên chức quản lý chuyên trách trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu; Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc đối với người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP là tiền lương do đại hội thành viên quyết định.

- Mức tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ, BNN bắt buộc không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại thời điểm đóng đối với người

lao động làm công việc hoặc chức danh giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường.

+ Người lao động làm công việc hoặc chức danh đòi hỏi lao động qua đào tạo, học nghề (kể cả lao động do doanh nghiệp tự dạy nghề) phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng;

+ Người lao động làm công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm phải cao hơn ít nhất 5%; công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương, làm việc trong điều kiện lao động bình thường.

3. Mức tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BH TNLĐ, BNN bắt buộc cao hơn 20 tháng lương cơ sở thì mức tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BH TNLĐ, BNN bằng 20 tháng lương cơ sở. Trường hợp mức tiền lương tháng của người lao động cao hơn 20 tháng lương tối thiểu vùng thì mức tiền lương tháng đóng BHTN bằng 20 tháng lương tối thiểu vùng.

IV. PHƯƠNG THỨC ĐÓNG

Hằng tháng, chậm nhất đến ngày cuối cùng của tháng, đơn vị trích tiền đóng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ, BNN trên quỹ tiền lương tháng của những người lao động tham gia đồng thời trích từ tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ-BNN của từng người lao động theo mức quy định, chuyển cùng một lúc vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH mở tại ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước,

V. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THỜI GIAN ĐÓNG BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ-BNN

1. Người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không đóng BHXH tháng đó. Thời gian này không được tính để hưởng BHXH.

2. Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng theo quy định của pháp luật về BHXH thì không phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT.

3. Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì đơn vị và người lao động không phải đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN, thời gian này được tính là thời gian đóng BHXH, không được tính là thời gian đóng BHTN và được cơ quan BHXH đóng BHYT cho người lao động;

Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản được ghi trên sổ BHXH theo mức tiền lương đóng BHXH của tháng trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản. Trường hợp trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản người lao động được nâng lương thì được ghi theo mức tiền lương mới của người lao động từ thời điểm được nâng lương.

Người lao động đang làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành hoặc làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản được tính là thời gian làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên.

3.1. Trường hợp HĐLĐ hết thời hạn trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì thời gian hưởng chế độ thai sản từ khi nghỉ việc đến khi HĐLĐ hết thời hạn được tính là thời gian đóng BHXH, thời gian hưởng chế độ thai sản sau khi HĐLĐ hết thời hạn không được tính là thời gian đóng BHXH.

3.2. Thời gian hưởng chế độ thai sản của người lao động chấm dứt HĐLĐ, HĐLV hoặc thôi việc trước thời điểm sinh con hoặc nhận con nuôi dưới 06 tháng tuổi không được tính là thời gian đóng BHXH.

3.3. Trường hợp lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con theo quy định thì thời gian hưởng chế độ thai sản từ khi nghỉ việc đến khi đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh được tính là thời gian đóng BHXH, kể từ thời điểm đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con thì lao động nữ và đơn vị phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

3.4. Trường hợp người cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng, người mẹ nhờ mang thai hộ, người cha nhờ mang thai hộ hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng hưởng chế độ thai sản mà không nghỉ việc thì người lao động và đơn vị vẫn phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

4. Người lao động mà bị tạm giam, tạm giữ hoặc tạm đình chỉ công tác để điều tra, xem xét kết luận có vi phạm hay không vi phạm pháp luật thì người lao động và đơn vị được tạm dừng đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN nhưng vẫn phải đóng BHYT hàng tháng bằng 4,5% của 50% mức tiền lương tháng mà người lao động được hưởng theo quy định của pháp luật. Sau thời gian tạm giam, tạm giữ hoặc tạm đình chỉ công tác nếu được cơ quan có thẩm quyền xác định bị oan, sai, không vi phạm pháp luật thì thực hiện việc đóng bù BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN trên tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc và truy đóng BHYT trên số tiền lương được truy lĩnh, không tính lãi đối với số tiền truy đóng; trường hợp cơ quan có thẩm quyền xác định người lao động là có tội thì không thực hiện việc đóng bù BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN và không phải truy đóng BHYT cho thời gian bị tạm giam.

5. Người lao động ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động mà vẫn được hưởng tiền lương thì người lao động và đơn vị thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN theo mức tiền lương người lao động được hưởng trong thời gian ngừng việc.

VI. MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG:

1. Kể từ ngày 01/01/2018, các đơn vị sử dụng lao động, rà soát lại mức lương tối thiểu trong thang lương, bảng lương mà đơn vị đã gửi với cơ quan quản lý nhà nước về lao động để điều chỉnh lại cho phù hợp, theo nguyên tắc không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng mới dưới đây; Trên cơ sở đó, điều chỉnh lại mức tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng lao động làm căn cứ đóng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ, BNN cho từng người lao động theo đúng thang lương, bảng lương đã xây dựng; mức lương tối thiểu vùng mới được áp dụng như sau:

- Mức **3.090.000** đồng/tháng áp dụng đối với đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố Lạng Sơn.

- Mức **2.760.000** đồng/tháng áp dụng đối với đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn các huyện còn lại trong tỉnh.

Người lao động ký hợp đồng lao động tại văn phòng hoặc trụ sở chính đóng tại thành phố Lạng Sơn nhưng làm việc ở các vùng khác thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng tại địa bàn làm việc ghi trong hợp đồng lao động để điều chỉnh lại tiền lương, tiền công ghi trên hợp đồng, làm căn cứ đóng, hưởng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ, BNN.

2. Chậm nhất đến ngày 20/3/2018, các đơn vị sử dụng lao động phải nộp hồ sơ điều chỉnh mức lương đóng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ, BNN cho người lao động.

Đối với các đơn vị sử dụng lao động chậm hoặc không điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng trên đây, dẫn đến còn tình trạng người lao động có mức lương thấp hơn mức lương tối thiểu vùng mới, cơ quan BHXH sẽ tạm thời điều chỉnh mức lương đóng BHXH, BHTN, BHYT, BH TNLĐ, BNN cho bằng mức lương tối thiểu vùng mới cho đến khi đơn vị lập hồ sơ điều chỉnh theo quy định.

3. Cơ quan BHXH chỉ xác nhận sổ và giải quyết chế độ khi đơn vị thực hiện điều chỉnh lương tối thiểu vùng đúng quy định trên. Mọi trường hợp chậm trễ làm ảnh hưởng đến việc giải quyết chế độ của người lao động đơn vị phải hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, Các phó Giám đốc BHXH tỉnh;
- Các phòng chức năng BHXH tỉnh;
- BHXH các huyện, thành phố (SYBC gửi các đơn vị SDLE);
- Lưu VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyen Hong Thinh